

Sổ tay doanh nghiệp



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CPTPP &

Ngành Chế biến xuất khẩu gỗ
Việt Nam



Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam



Thông tin trong Sổ tay này chỉ phục vụ mục đích tham khảo. Để biết nội dung chuẩn xác của cam kết, doanh nghiệp cần tra cứu Văn kiện chính thức (bản tiếng Anh) của Hiệp định.

Mọi quan điểm trong Sổ tay này là của Nhóm tác giả, không phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương hay Chương trình Aus4Reform.



Hiệp định Đối tác
Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)
và Ngành Chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam

Hà Nội, tháng 11 năm 2019

Lời mở đầu

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) giữa 11 nước (bao gồm Australia, Brunei, Canada, Chi-lê, Malaysia, Mexico, Nhật Bản, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam) đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019.

Là một Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tiêu chuẩn cao, mức cam kết mở cửa mạnh và có phạm vi cam kết bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại, đầu tư, quy tắc và thể chế, CPTPP dự kiến có tác động lớn tới hầu như tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế của Việt Nam.

Sổ tay doanh nghiệp “Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam” nằm trong Tuyển tập 10 Sổ tay doanh nghiệp do Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện trong khuôn khổ Hợp phần “Hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả CPTPP” của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform).

Sổ tay tóm tắt và diễn giải các cam kết CPTPP trong lĩnh vực chế biến xuất khẩu gỗ, đánh giá các tác động dự kiến của các cam kết này đối với triển vọng phát triển của ngành và đưa ra các khuyến nghị cơ bản để doanh nghiệp trong ngành có thể tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức từ Hiệp định quan trọng này.

Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ về kỹ thuật của Chương trình Aus4Reform cho việc nghiên cứu, biên soạn và phổ biến Sổ tay này.

Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Mục lục

Phần thứ nhất

Các cam kết CPTPP liên quan tới ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam 8

Mục 1 – Các cam kết về thuế nhập khẩu 11

- 1 CPTPP có cam kết như thế nào về thuế nhập khẩu đối với gỗ và các sản phẩm gỗ? 12
- 2 Các nước CPTPP cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam như thế nào? 14
- 3 Việt Nam cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu từ các nước CPTPP như thế nào? 23
- 4 Lộ trình cắt giảm thuế quan thực tế của các nước Thành viên đã phê chuẩn CPTPP? 25
- 5 Việt Nam có cam kết gì trong CPTPP về thuế xuất khẩu và các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ? 27

Mục 2 – Các cam kết khác trong CPTPP có ảnh hưởng đáng kể tới ngành gỗ và các sản phẩm gỗ 29

- 6 Cam kết CPTPP về Quy tắc xuất xứ đối với gỗ và các sản phẩm gỗ? 30
- 7 Cam kết CPTPP về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)? 34
- 8 Cam kết CPTPP về lao động? 36
- 9 Cam kết CPTPP về môi trường và bảo vệ thực vật hoang dã? 39

Phần thứ hai

Cơ hội, thách thức và khuyến nghị với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập CPTPP	42
10 Hiện trạng ngành sản xuất và chế biến gỗ Việt Nam?	44
11 Tình hình xuất khẩu gỗ của Việt Nam?	48
12 Tình hình xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và các nước CPTPP?	51
13 Triển vọng thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam?	55
14 Cơ hội đối với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam từ CPTPP	57
15 Thách thức đối với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam từ CPTPP?	61
16 Khuyến nghị với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam?	63

Danh mục Từ viết tắt

AANZFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Australia, New Zealand
AJCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN – Nhật Bản
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ATIGA	FTA về thương mại hàng hóa trong ASEAN
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
CTC	Chuyển đổi mã HS
EU	Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
MFN	Đối xử tối huệ quốc
RVC	Hàm lượng giá trị khu vực
SPS	Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
TBT	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
VCFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Chi-lê
VJEPA	Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản
VPA/FLEGT	Hiệp định Đối tác tự nguyện về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản
WTO	Tổ chức thương mại thế giới



Phần thứ nhất

Các cam kết CPTPP liên quan
tới ngành chế biến
xuất khẩu gỗ Việt Nam



Mục 1

Các cam kết về
thuế nhập khẩu



CPTPP có cam kết như thế nào về thuế nhập khẩu đối với gỗ và các sản phẩm gỗ?

Đối với các sản phẩm hàng hóa như gỗ và các sản phẩm gỗ, cam kết quan trọng nhất trong các FTA là cam kết của mỗi nước Thành viên về thuế quan áp dụng với hàng hóa nhập khẩu từ nước Thành viên khác.

Cam kết về thuế quan trong CPTPP được nêu tại:

- Lời văn của Chương 2 - Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa
- Các Phụ lục của Chương 2 - Lộ trình cắt giảm thuế quan của mỗi nước thành viên CPTPP (mỗi nước có một hoặc các Biểu cam kết riêng)

Về mức cam kết, trong CPTPP, các nước Thành viên đưa ra cam kết cắt giảm thuế quan khá mạnh đối với nhóm gỗ và các sản phẩm gỗ:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi CPTPP có hiệu lực với phần lớn các dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ ngay sau khi CPTPP có hiệu lực
- Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình với một số dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ nhất định (từ 4-5 năm đến 16 năm tùy sản phẩm, tùy đối tác)

Ý nghĩa của cam kết về thuế quan đối với hàng nhập khẩu

Tương tự như bất kỳ FTA nào, cam kết về thuế quan trong CPTPP là cam kết của nước Thành viên về mức thuế nhập khẩu tối đa mà nước đó sẽ áp dụng cho từng loại hàng hóa nhập khẩu từ một nước Thành viên khác trong CPTPP.

Như vậy, nước thành viên CPTPP sẽ không thể áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước thành viên CPTPP khác mức thuế nhập khẩu cao hơn mức đã cam kết, theo lộ trình cam kết. Nhưng nước thành viên CPTPP hoàn toàn có thể đơn phương hạ thuế quan xuống mức thấp hơn mức cam kết hoặc cắt giảm, loại bỏ thuế quan sớm hơn lộ trình cam kết.

Do đó, mức thuế áp dụng trên thực tế có thể bằng hoặc thấp hơn mức thuế cam kết. Doanh nghiệp chỉ tham khảo mức cam kết trong CPTPP để biết mức thuế cao nhất có thể bị áp dụng, còn mức thuế thực tế áp dụng sẽ căn cứ vào Biểu thuế xuất nhập khẩu theo pháp luật nội địa của từng nước.



Các nước CPTPP cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam như thế nào?

Trong CPTPP, mỗi nước Thành viên đưa ra một Biểu cam kết thuế quan riêng, áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các nước Thành viên còn lại (trừ một số hãn hữu các trường hợp áp dụng thuế riêng cho từng nước/nhóm nước cụ thể trong CPTPP).

Trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (Hệ thống HS), gỗ và các sản phẩm từ gỗ thuộc Chương 44, còn các đồ nội thất làm từ gỗ thuộc các mã HS từ 9403.30 đến 9403.60.

Dưới đây là tóm tắt cam kết CPTPP của các nước đối với các sản phẩm này:

Cam kết thuế quan của Australia

Trong CPTPP, Australia cam kết xóa bỏ ngay khi CPTPP có hiệu lực với phần lớn (124/129) các dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam (tức là từ ngày 14/1/2019 – ngày CPTPP có hiệu lực với Việt Nam).

Riêng với 05 dòng thuế (gồm 04 loại ván sợi HS. 4411.12.90, 4411.13.90, 4411.14.90, và 4411.93.00, và đồ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong văn phòng - HS 9403.30), Australia duy trì mức thuế MFN hiện tại (5%) đến năm thứ 4 tính từ khi CPTPP có hiệu lực (tức là đến năm 2021), sau đó sẽ xóa bỏ hoàn toàn.

So sánh cam kết thuế quan của Australia trong CPTPP và AANZFTA

Trước CPTPP, giữa Việt Nam và Australia đã có một FTA chung, là Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Australia, New Zealand (AANZFTA).

Trong AANZFTA, Australia cũng đã cam kết xóa bỏ ngay khi AANZFTA có hiệu lực (năm 2010) đối với phần lớn các dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam, ngoại trừ 05 sản phẩm (gồm 04 loại ván sợi mã HS 4411.12.90, 4411.13.90(1), 4411.14.90(1), 4411.93.00; và đồ gỗ nội thất bằng gỗ được sử dụng trong văn phòng - 9403.30). 05 sản phẩm này Australia có quyền duy trì thuế 5% đến năm 2020 mới xóa bỏ.

Như vậy, đối với gỗ và các sản phẩm gỗ, cam kết trong CPTPP hầu như tương tự AANZFTA, có hạn chế hơn (do lộ trình loại bỏ thuế chậm hơn) so với AANZFTA ở 05 sản phẩm như liệt kê ở trên.

Cam kết thuế quan của New Zealand

Trong CPTPP, New Zealand cam kết xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 166/186 dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Với 20 dòng thuế còn lại, New Zealand sẽ:

- Cắt giảm thuế theo lộ trình 05 năm với 4 dòng thuế mã HS 4412.94.09, 4412.94.29, 4412.99.09 và 4412.99.29
- Cắt giảm theo lộ trình 07 năm với 16 dòng thuế, bao gồm một số loại gỗ ép khuôn, gỗ dán chỉ bao gồm những lớp gỗ dày không quá 6mm và có ít nhất một lớp mặt ngoài bằng gỗ nhiệt đới, đồ nội thất bằng gỗ,...

So sánh cam kết thuế quan của New Zealand trong CPTPP và AANZFTA

Trước CPTPP, giữa Việt Nam và New Zealand đã có một FTA chung, là Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Australia, New Zealand (AANZFTA).

Trong AANZFTA, New Zealand cũng đã xóa bỏ thuế đối với phần lớn các dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam ngay khi AANZFTA có hiệu lực (năm 2010), các dòng thuế còn lại sẽ được xóa bỏ từ năm 2020.

Như vậy với ngành gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam, CPTPP không tạo thêm lợi thế về thuế quan nào mới tại thị trường New Zealand (thậm chí còn xóa bỏ thuế muộ n hơn với 20 dòng hàng gỗ và sản phẩm gỗ) nhưng tạo thêm một lựa chọn về thuế quan ưu đãi cho doanh nghiệp.

Cam kết thuế quan của Canada

Trong CPTPP, Canada cam kết xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế quan gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Trước CPTPP, Việt Nam và Canada chưa có FTA chung nào; gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam thuộc diện áp dụng thuế MFN mà Canada áp dụng chung cho tất cả các thành viên WTO chưa có FTA với nước này. Tuy nhiên, mức thuế MFN của Canada đối với gỗ và các sản phẩm gỗ cũng tương đối thấp. Cụ thể, thuế MFN trung bình năm 2018 mà Canada áp dụng là:

- 1,47% đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44
- 5,7% đối với đồ nội thất bằng gỗ có mã HS. 9403.30-60

Vì vậy, CPTPP mang đến cho gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam lợi thế nhất định về thuế quan, đặc biệt với một số dòng hàng hóa đang có mức thuế MFN cao. Tuy nhiên, cần chú ý là để tận dụng thuế quan ưu đãi, gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam phải đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP (trong khi thuế MFN không có điều kiện về quy tắc xuất xứ).

Cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia, Singapore

Trong CPTPP, Brunei, Malaysia và Singapore đều cam kết xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với tất cả các loại gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Tuy nhiên, tính đến hiện tại (10/2019), ngoại trừ Singapore đã phê chuẩn CPTPP, các cam kết của Brunei và Malaysia trong CPTPP hiện đều chưa có hiệu lực, chưa được áp dụng trên thực tế.

So sánh cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia và Singapore trong CPTPP và các FTA đã có với Việt Nam

Brunei, Malaysia, Singapore và Việt Nam đều là thành viên ASEAN. Vì vậy giữa Việt Nam với 03 nước này hiện đã có chung 06 FTA có cam kết về thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ, gồm:

- FTA về thương mại hàng hóa trong ASEAN (ATIGA)
- FTA ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)
- FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)
- FTA ASEAN – Nhật Bản (AJCEP)
- FTA ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)
- FTA ASEAN – Australia và New Zealand (AANZFTA)

Trong 06 FTA này, ATIGA có mức cam kết loại bỏ thuế quan mạnh nhất, theo đó kể từ năm 2010, Brunei, Malaysia và Singapore đều đã xóa bỏ toàn bộ các dòng thuế về 0% cho Việt Nam, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ.

Do đó, cơ bản CPTPP không mang lại lợi ích thuế quan đáng kể nào đối với gỗ và các sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam ở các thị trường Brunei, Malaysia và Singapore mà chỉ tạo thêm một lựa chọn về thuế quan ưu đãi.

Cam kết thuế quan của Chi-lê

Trong CPTPP, Chi-lê cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với tất cả gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam. Tuy nhiên tính đến hiện tại (10/2019), Chi-lê chưa phê chuẩn CPTPP nên các cam kết này hiện chưa có hiệu lực trên thực tế.

Hiện giữa Việt Nam và Chi-lê đã có một Hiệp định thương mại tự do song phương (VCFTA). Trong FTA này, Chi-lê cũng đã xóa bỏ thuế quan đối với phần lớn các dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ ngay khi VCFTA có hiệu lực (năm 2014) trừ 13 dòng thuế (HS 4415.2010; 4415.2090; 9403.3010; 9403.3020; 9403.3030; 9403.3090; 9403.4000; 9403.5010; 9403.5020; 9403.5030; 9403.5040; 9403.5090; 9403.6090) có lộ trình cắt giảm 10 năm, tức là chỉ được xóa bỏ hoàn toàn từ năm 2024.

Do đó nếu Chi-lê phê chuẩn CPTPP trước năm 2024 thì Hiệp định này sẽ tạo thêm lợi thế thuế quan cho một số mặt hàng gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam so với VCFTA. Thêm vào đó, với tính chất là FTA nhiều Bên, tùy từng trường hợp, quy tắc xuất xứ nội khối của CPTPP có thể sẽ dễ đáp ứng hơn VCFTA, do đó khả năng tận dụng được có thể cao hơn.

Cam kết thuế quan của Mexico

Trong CPTPP, Mexico cam kết về thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam theo 02 nhóm:

- Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với đa số (102/169) các dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 5 năm (11/169 dòng thuế như một số loại gỗ dán; nút và nắp đậy bằng gỗ;...), hoặc 10 năm (56/169 dòng thuế như gậy tre, đã hoặc chưa tiện tròn; gỗ ván và viên dãi gỗ trang trí để làm sàn; ván dăm, ván dăm định hướng và các loại ván tương tự; khung ảnh bằng gỗ; thùng gỗ; cửa sổ và cửa ra vào; đồ nội thất bằng gỗ...) kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

So sánh CPTPP với thuế MFN của Mexico

Trước CPTPP, Việt Nam và Mexico chưa có FTA chung nào, do đó gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam nhập khẩu vào Mexico chịu thuế MFN mà Mexico áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên WTO.

Mức thuế MFN mà Mexico áp dụng đối với các loại gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu là khá cao. Cụ thể, thuế MFN trung bình năm 2018 mà Mexico áp dụng như sau:

- 6,36% đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44
- 12,5% đối với đồ nội thất bằng gỗ có mã HS. 9403.30-60

Do đó, CPTPP được đánh giá là mang lại lợi ích thuế quan đáng kể cho gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này.

Cam kết của Peru

Trong CPTPP, Peru cam kết về thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam theo 02 nhóm:

- Xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực với đa số dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ (69/92 dòng thuế)
- Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình 6 năm (7/92 dòng thuế như ván lợp; panel có lõi xốp; bộ đồ ăn và bộ đồ làm bếp bằng gỗ; đồ nội thất bằng gỗ...); hoặc 11 năm (16/92 dòng thuế như ván dăm; ván sọc; gỗ dán khác...) kể từ khi Hiệp định có hiệu lực

Hiện Peru chưa phê chuẩn CPTPP, vì vậy các cam kết này đều chưa có hiệu lực.

So sánh CPTPP với thuế MFN của Peru

Trước CPTPP, Peru và Việt Nam chưa có FTA chung nào, do đó gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam nhập khẩu vào Peru chịu thuế MFN mà Peru áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên WTO. Mức thuế MFN trung bình năm 2018 mà Peru đang áp dụng đối với các nước WTO tương đối thấp:

- 2,09% đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44
- 6% đối với đồ nội thất bằng gỗ có mã HS. 9403.30-60

Như vậy, CPTPP sẽ mang lại lợi thế nhất định về thuế quan cho gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam, đặc biệt đối với các dòng sản phẩm mà thuế MFN còn cao. Các lợi thế này chỉ được hiện thực hóa khi CPTPP có hiệu lực với Peru.

Cam kết thuế quan của Nhật Bản

Trong CPTPP, Nhật Bản cam kết về thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam theo 02 nhóm:

- *Xóa bỏ thuế ngay* khi Hiệp định có hiệu lực với đa số dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ (197/241 dòng thuế), bao gồm toàn bộ dòng thuế về nội thất bằng gỗ thuộc Chương 94, cùng một số dòng thuế Chương 44
- *Cắt giảm và xóa bỏ thuế theo lộ trình* 9-16 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với một số dòng thuế, cụ thể:
 - Lộ trình 9 năm: 1/241 dòng thuế mã HS 441890.229 (Sản phẩm công nghệ CLT (Cross Laminated Timber) có chiều dày không nhỏ hơn 36 mm, chiều rộng không nhỏ hơn 300 mm và chiều dài không nhỏ hơn 900 mm...).
 - Lộ trình 11 năm: 33/241 dòng thuế như: gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, ...; gỗ từ cây lá kim đã bào và đánh giáp; ván dăm dạng tấm chưa gia công hoặc mới chỉ đánh bóng; gỗ dán từ tre...

- Lộ trình 16 năm: 10/241 dòng thuế đối với một số sản phẩm gỗ dán (các mã HS 441231.939, 441232.110, 441232.190, 441232.911, 441232.912, 441232.991, 441232.992, 441232.993, 441239.991, 441239.992).

Ngoài ra đối với các sản phẩm có xuất xứ nguyên gốc Việt Nam thuộc các mã HS này, Nhật Bản có thể áp dụng các biện pháp tự vệ. Theo đó, Nhật Bản có quyền tăng mức thuế quan áp dụng đối với các sản phẩm này của Việt Nam lên mức thuế MFN thay vì mức thuế ưu đãi theo CPTPP nếu khối lượng nhập khẩu các sản phẩm này vượt ngưỡng quy định cho từng năm như dưới đây:

- (a) 180.000 m³ cho năm 1;
- (b) 193.000 m³ cho năm 2;
- (c) 206.000 m³ cho năm 3;
- (d) 219.000 m³ cho năm 4;
- (e) 232.000 m³ cho năm 5;
- (f) 245.000 m³ cho năm 6;
- (g) 258.000 m³ cho năm 7;
- (h) 271.000 m³ cho năm 8;
- (i) 284.000 m³ cho năm 9;
- (j) 297.000 m³ cho năm 10;
- (k) 310.000 m³ cho năm 11;
- (l) 323.000 m³ cho năm 12;
- (m) 336.000 m³ cho năm 13;
- (n) 349.000 m³ cho năm 14; và
- (o) 362.000 m³ cho năm 15.

Từ năm thứ 16 trở đi khi thuế quan áp dụng cho các sản phẩm này đã được loại bỏ theo lộ trình, Nhật Bản sẽ không được tiếp tục áp dụng các biện pháp tự vệ này.

So sánh CPTPP với AJCEP và VJEPA

Trước CPTPP, Việt Nam và Nhật Bản đã có 02 FTA chung là FTA ASEAN – Nhật Bản (AJCEP) và Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA).

VJEPA là FTA song phương, lại được đàm phán và có hiệu lực sau AJCEP, do đó có mức cam kết về thuế quan cho cao hơn trong AJCEP, VJEPA có hiệu lực từ năm 2009, trong đó sản phẩm gỗ có cam kết cụ thể như sau:

- *Đối với các sản phẩm thuộc Chương 44:* Một số sản phẩm được xóa bỏ thuế ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, còn phần lớn các sản phẩm còn lại có lộ trình xóa bỏ thuế trong vòng 8 hoặc 11 năm. Một số ít sản phẩm không có cam kết cắt giảm thuế (giữ nguyên mức thuế cơ sở quy định trong Hiệp định) – đây cũng là các sản phẩm có lộ trình xóa bỏ thuế dài nhất (16 năm) trong CPTPP.
- *Đối với các sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ thuộc Chương 94:* toàn bộ các sản phẩm này được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tức là từ năm 2009

Như vậy, theo VJEPA, đa số các dòng thuế đối với gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sẽ được Nhật Bản xóa bỏ với lộ trình muộn nhất là đến năm 2020, ngoại trừ các sản phẩm không cắt giảm thuế. Trong khi đó, CPTPP có hiệu lực từ năm 2018 và đa số các dòng thuế và sản phẩm gỗ được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Ngoài ra, tất cả các dòng thuế gỗ và sản phẩm gỗ đều được cam kết xóa bỏ (ngay hoặc theo lộ trình).

Do đó, CPTPP sẽ mang lại lợi thế về thuế quan đối với:

- Các sản phẩm có lộ trình cắt giảm dài (11 năm) trong VJEPA mà được xóa bỏ thuế quan ngay trong CPTPP; và
- Các sản phẩm không có cam kết cắt giảm thuế trong VJEPA mà được cam kết xóa bỏ thuế trong CPTPP.



Việt Nam cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế quan đối với gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu từ các nước CPTPP như thế nào?

Mức thuế cam kết trong CPTPP

Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với toàn bộ dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu từ các nước CPTPP. Như vậy, kể từ ngày 14/1/2019, gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu từ các nước CPTPP (đã phê chuẩn Hiệp định này) nhập khẩu vào Việt Nam (đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ) sẽ được loại bỏ thuế nhập khẩu.

So sánh mức thuế cam kết trong CPTPP và các mức thuế hiện đang áp dụng

Trong số 10 đối tác CPTPP, Việt Nam đã có FTA đang có hiệu lực với 07 đối tác (gồm Nhật Bản, Australia, New Zealand, Chi-lê, Brunei, Malaysia, Singapore). Trong các FTA này, Việt Nam đã cam kết xóa bỏ thuế quan (ngay hoặc theo lộ trình – một số ít lộ trình rất dài) với gần như toàn bộ các sản phẩm gỗ.

Đối với Canada, Mexico và Peru (03 đối tác mà trước CPTPP chưa có FTA với Việt Nam), mức thuế MFN mà Việt Nam đang áp dụng đối với các sản phẩm gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu từ các nước này cũng khá cao:

- 5,43% đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44
- 24% đối với đồ nội thất bằng gỗ có mã HS. 9403.30-60

Do đó, CPTPP sẽ làm thay đổi tương đối thuế nhập khẩu đối với gỗ và các sản phẩm gỗ từ các nước CPTPP vào Việt Nam theo hướng giảm mạnh mức thuế cho các sản phẩm đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP.

Chú ý: Các cam kết về thuế quan của Việt Nam cho các đối tác trong CPTPP chỉ có hiệu lực đối với các đối tác đã phê chuẩn CPTPP, chưa có hiệu lực với các đối tác chưa phê chuẩn.



Lộ trình cắt giảm thuế quan thực tế của các nước Thành viên đã phê chuẩn CPTPP?

Để xác định mức thuế tối đa và lộ trình cắt giảm thuế bắt buộc của từng nước thành viên CPTPP cần căn cứ vào thời điểm có hiệu lực chung của CPTPP (thời điểm đủ 6 nước thành viên ban đầu phê chuẩn CPTPP), thời điểm có hiệu lực của CPTPP với từng nước phê chuẩn sau, và thỏa thuận giữa nước phê chuẩn ban đầu với nước phê chuẩn sau.

Cụ thể, tính đến ngày 30/10/2019 đã có 07 nước phê chuẩn CPTPP, trong đó:

- 06 nước phê chuẩn ban đầu là Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, Mexico, Singapore: CPTPP chính thức có hiệu lực đối với các nước này từ ngày 30/12/2018
- Việt Nam là nước thứ 7 phê chuẩn CPTPP: Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/1/2019

Cam kết CPTPP sẽ chưa áp dụng đối với các nước Thành viên chưa phê chuẩn CPTPP (và CPTPP chưa có hiệu lực với các nước này).

Đối với các nước mà CPTPP đã có hiệu lực, thỏa thuận về lộ trình cắt giảm thuế quan cụ thể giữa các nước này thực ra chỉ có ý nghĩa đối với các sản phẩm mà nước nhập khẩu cam kết loại bỏ thuế quan theo lộ trình (ví dụ cam kết năm 1 thuế tối đa là x%, năm 2 thuế tối đa là y%, năm 3 thuế tối đa là z%...). Đối với các sản phẩm mà nước nhập khẩu cam kết loại bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực thì thuế sẽ là 0% kể từ thời điểm CPTPP có hiệu lực.

Bảng

Tóm tắt Thỏa thuận về lộ trình cắt giảm thuế quan của 07 nước đã phê chuẩn CPTPP

Ngày	Lộ trình cắt giảm thuế quan
<i>Lộ trình của các nước phê chuẩn ban đầu cho Việt Nam</i>	
14/1/2019	Australia, Canada, New Zealand, và Singapore: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 (cắt giảm liền 2 năm) cho Việt Nam Nhật Bản, Mexico: Cắt giảm theo lộ trình năm 1 cho Việt Nam
1/4/2019	Nhật Bản: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Việt Nam
1/1/2020	Australia, Canada, New Zealand, và Singapore: Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Việt Nam Mexico: Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Việt Nam
1/4/2020	Nhật Bản: Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Việt Nam
Các năm tiếp theo	Tương tự trên
<i>Lộ trình của Việt Nam cho các nước đã phê chuẩn ban đầu</i>	
14/1/2019	Cắt giảm theo lộ trình năm 2 (cắt giảm liền 2 năm) cho Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, và Singapore Cắt giảm theo lộ trình năm 1 cho Mexico
1/1/2020	Cắt giảm theo lộ trình năm 3 cho Australia, Canada, New Zealand, Nhật Bản, và Singapore Cắt giảm theo lộ trình năm 2 cho Mexico
Các năm tiếp theo	Tương tự trên



Việt Nam có cam kết gì trong CPTPP về thuế xuất khẩu và các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ?

CPTPP nhắc lại các nghĩa vụ trong WTO, theo đó các nước không được ban hành hoặc duy trì bất kỳ biện pháp cấm, hạn chế nhập khẩu hoặc xuất khẩu nào ngoại trừ các trường hợp đã có cam kết bảo lưu trong CPTPP và các ngoại lệ trong WTO.

Về vấn đề này, Việt Nam bảo lưu quyền áp dụng thuế xuất khẩu và tiếp tục các biện pháp cấm xuất hoặc cấm nhập khẩu tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Thông tư số 04/2014/TT-BCT đối với một số loại hàng hóa được liệt kê, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ.

Cụ thể, Việt Nam bảo lưu quyền:

- Cấm nhập khẩu đồ nội thất đã qua sử dụng (bao gồm cả đồ nội thất bằng gỗ)
- Cấm xuất khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước
- Cấm xuất khẩu các sản phẩm gỗ (trừ các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm được sản xuất từ gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu, hoặc pallet nhân tạo)
- Duy trì thuế xuất khẩu theo thời hạn và mức thuế cụ thể với một số dòng sản phẩm gỗ thuộc 44 (gỗ trầm hương, gỗ nhiên liệu, gỗ từ cây lá kim...) – xem Biểu cam kết bảo lưu của Việt Nam trong Phụ lục 2-C “Thuế xuất khẩu, thuế hoặc các khoản thu khác” - Chương 2 Hiệp định.



Mục 2

Các cam kết khác
trong CPTPP có
ảnh hưởng đáng kể
tới ngành gỗ và
các sản phẩm gỗ



Cam kết CPTPP về Quy tắc xuất xứ đối với gỗ và các sản phẩm gỗ?

Để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP, gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam khi xuất khẩu sang các nước CPTPP phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ (QTXX) của Hiệp định.

Cam kết về QTXX trong CPTPP đối với gỗ và các sản phẩm gỗ được quy định tại:

- Lời văn Chương 3 – Quy tắc xuất xứ (các quy tắc chung) và các thủ tục chứng nhận xuất xứ
- Phụ lục Chương 3 – Quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng

Quy tắc xuất xứ

Mục đích của quy tắc xuất xứ là để đảm bảo hàng hóa phải được sản xuất chủ yếu trong khu vực CPTPP thì mới được hưởng ưu đãi thuế quan của Hiệp định.

Đối với riêng ngành gỗ, bảo đảm tuân thủ QTXX được cho là thách thức tương đối với các doanh nghiệp gỗ muốn tận dụng ưu đãi thuế quan của CPTPP bởi:

- Hiện Việt Nam mới chỉ bảo đảm được khoảng 70% nguyên liệu gỗ khai thác trong nước, còn lại là gỗ nhập khẩu từ nhiều nguồn ngoài các nước CPTPP. Nếu chỉ xét hàng xuất khẩu thì tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu nhập khẩu có thể còn cao hơn (do nhiều trường hợp gỗ trong nước không đáp ứng yêu cầu chất lượng của khách hàng nước ngoài)
- Không ít các nguyên liệu sử dụng trong sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu (đinh, keo, sơn phủ ...) đang được nhập khẩu

CPTPP có cam kết về QTXX của sản phẩm theo mã HS của sản phẩm đó. Do đó để biết QTXX áp dụng đối với từng sản phẩm gỗ và các sản phẩm gỗ cụ thể, cần tra cứu cam kết CPTPP về QTXX cụ thể đối với mã HS đó.

Về cơ bản, đối với gỗ và các sản phẩm gỗ, QTXX trong CPTPP bao gồm 02 loại sau:

- *Đối với gỗ và các sản phẩm gỗ thuộc Chương 44:* Quy tắc CTC chuyển đổi Nhóm (chuyển đổi mã HS (CTC) ở cấp 4 số (Nhóm) – theo đó, mã HS cấp 4 số của thành phẩm phải khác mã HS của nguyên liệu không có xuất xứ CPTPP)
- *Đối với các sản phẩm đồ nội thất từ gỗ thuộc Chương 94:* Kết hợp quy tắc CTC chuyển đổi Nhóm và quy tắc RVC tối thiểu (hàng hóa phải đạt một ngưỡng tỷ lệ tối thiểu giá trị nguyên liệu có xuất xứ CPTPP)

Bảng

QTXX cụ thể đối với gỗ và sản phẩm gỗ trong CPTPP

Mã HS	Quy tắc xuất xứ
Chương 44	Chuyển đổi Nhóm
9403.10 - 9403.40	Chuyển đổi Nhóm; hoặc RVC tối thiểu: (a) 30% theo cách tính trực tiếp; hoặc (b) 40% theo cách tính gián tiếp; hoặc (c) 50% theo cách tính giá trị tập trung, chỉ tính tới nguyên phụ liệu không có xuất xứ của nhóm 94.03.
9403.50	Chuyển đổi Nhóm; hoặc RVC tối thiểu: (a) 35% theo cách tính trực tiếp; hoặc (b) 45% theo cách tính gián tiếp; hoặc (c) 55% theo cách tính giá trị tập trung, chỉ tính tới nguyên phụ liệu không có xuất xứ của nhóm 94.03.
9403.60	<p><i>i) Đối với các sản phẩm nội thất ngoài trời:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyển đổi Nhóm; hoặc • RVC tối thiểu: <ul style="list-style-type: none"> (a) 30% theo cách tính trực tiếp; hoặc (b) 40% theo cách tính gián tiếp; hoặc (c) 50% theo cách tính giá trị tập trung, chỉ tính tới nguyên phụ liệu không có xuất xứ của nhóm 94.03. <p><i>ii) Đối với các sản phẩm khác:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyển đổi Nhóm; hoặc • RVC tối thiểu <ul style="list-style-type: none"> (a) 35% theo cách tính trực tiếp; hoặc (b) 45% theo cách tính gián tiếp; hoặc (c) 55% theo cách tính giá trị tập trung, chỉ tính tới nguyên phụ liệu không có xuất xứ của nhóm 94.03.

Về thủ tục chứng nhận xuất xứ

Cam kết chung của CPTPP về thủ tục chứng nhận xuất xứ là **tự chứng nhận xuất xứ** (nhà sản xuất, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu tự phát hành giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa nhập khẩu liên quan). Tuy nhiên CPTPP chấp nhận một số ngoại lệ và bảo lưu đối với thủ tục tự chứng nhận xuất xứ này.

Cụ thể, đối với hàng hóa CPTPP nhập khẩu vào Việt Nam, thủ tục chứng nhận xuất xứ sẽ như sau:

- *Trong 05 năm đầu kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam:*

Các chủ thể kinh doanh có thể lựa chọn chứng nhận xuất xứ theo một trong hai cơ chế:

- Cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp giấy chứng nhận xuất xứ); hoặc
- Cơ chế *nhà xuất khẩu* tự chứng nhận xuất xứ

Chú ý: Sau khi hết thời hạn 05 năm, Việt Nam vẫn có thể duy trì mô hình song song 02 cơ chế chứng nhận xuất xứ này thêm tối đa 05 năm nữa (trước khi hết hạn 05 năm đầu ít nhất 60 ngày, Việt Nam thông báo với các đối tác CPTPP về việc gia hạn).

- *Từ năm thứ 05 kể từ khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam trở đi:*

Trừ khi có gia hạn như ở trên, kể từ thời điểm 05 năm sau khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam, Việt Nam sẽ chỉ áp dụng thủ tục tự chứng nhận xuất xứ. Cụ thể, các chủ thể kinh doanh có thể lựa chọn tự chứng nhận xuất xứ theo một trong 03 cơ chế sau:

- Nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ
- Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ
- Nhà sản xuất tự chứng nhận xuất xứ



Cam kết CPTPP về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)?

Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) là tất cả các quy định, điều kiện, yêu cầu bắt buộc về an toàn thực phẩm, ngăn chặn dịch bệnh mà nước nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu. Là sản phẩm có nguồn gốc thực vật, gỗ và các sản phẩm gỗ phải tuân thủ các yêu cầu SPS có liên quan của từng thị trường xuất khẩu.

CPTPP có một Chương về SPS. Tuy nhiên, Chương này không có cam kết nào cụ thể liên quan trực tiếp tới các biện pháp SPS đối với gỗ và các sản phẩm gỗ mà chỉ bao gồm các nguyên tắc liên quan tới SPS áp dụng chung cho tất cả các sản phẩm.

Trong tổng thể các nước CPTPP sẽ tiếp tục giữ quyền chủ động trong việc ban hành và áp dụng các biện pháp SPS. CPTPP sẽ không làm gia tăng hay giảm bớt các yêu cầu về SPS của nước nhập khẩu đối với nông sản nhập khẩu.

Ngoài ra, CPTPP có một số cam kết đáng chú ý sau:

- CPTPP tạo ra nhiều cơ hội hơn trong việc công nhận tương đương giữa các nước CPTPP và Việt Nam đối với các biện pháp SPS
- CPTPP có các cam kết cụ thể về quy trình thông tin liên quan tới các biện pháp khẩn cấp khi có các rủi ro nghiêm trọng liên quan đến sức khỏe hoặc tính mạng con người, động vật hoặc thực vật (bao gồm cả trường hợp khẩn cấp về thực phẩm)
- CPTPP có cam kết cụ thể về quy trình (đặc biệt là các thời hạn) một nước Thành viên phê duyệt danh sách các cơ sở/đơn vị của các nước Thành viên khác đủ điều kiện về an toàn thực phẩm để nhập khẩu vào nước mình
- CPTPP nhấn mạnh tính minh bạch trong quá trình ban hành, thực hiện các biện pháp SPS



Cam kết CPTPP về lao động?

CPTPP có một Chương riêng về lao động với các cam kết liên quan tới các quyền cơ bản của người lao động, điều kiện lao động, xu hướng về tiêu chuẩn lao động.

Sản xuất chế biến gỗ là ngành có một số đặc thù về lao động và điều kiện lao động, đặc biệt là:

- Thành phần lao động tương đối phức tạp, có thể có lao động trẻ em, lao động mùa vụ
- Môi trường lao động có một số yếu tố nguy hại tới sức khỏe (tiếng ồn, bụi mùn cưa...)
- Điều kiện làm việc đặc thù (tư thế lao động gò bó, các loại máy móc sử dụng có đặc thù về độ rung, độ ồn có thể ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe...)

Suy đoán là các cam kết của CPTPP về lao động sẽ có tác động nhất định tới ngành gỗ, chủ yếu là theo hướng gián tiếp (do CPTPP không có cam kết về bất kỳ tiêu chuẩn lao động cụ thể nào).

Sau đây là một số tóm tắt các cam kết đáng chú ý về lao động của CPTPP:

(i) Nhóm cam kết về nguyên tắc, điều kiện lao động

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo đảm thông qua, duy trì và thực thi các quy định pháp luật về các nguyên tắc liên quan tới lao động thuộc 02 nhóm sau:

Nhóm các nguyên tắc lao động cơ bản trong Tuyên bố của ILO năm 1998, bao gồm:

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động
- Xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc
- Cấm sử dụng lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất
- Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp

Liên quan tới 04 nhóm nguyên tắc cơ bản này, ngoại trừ vấn đề quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động, các nguyên tắc khác cơ bản đã được thể hiện ở các mức độ khác nhau trong pháp luật lao động Việt Nam hiện hành và đang được thực thi trên thực tế. Tuy nhiên, khi có CPTPP, việc thực thi suy đoán sẽ bị giám sát chặt chẽ hơn, và các chủ thể kinh doanh chế biến gỗ sẽ phải chú ý hơn tới việc tuân thủ đầy đủ pháp luật về lao động (đặc biệt với các trường hợp liên quan tới lao động trẻ em, lao động mùa vụ...).

Về vấn đề quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động, đây là cam kết mới, chưa từng có trong pháp luật và thực tiễn Việt Nam, và hiện đang được bổ sung vào Bộ luật Lao động sửa đổi 2019. Đối với các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, khả năng có thể xuất hiện hai hoặc nhiều hơn các tổ chức đại diện người lao động trong cùng một cơ sở sản xuất, do đó doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị để có cơ chế trao đổi thông tin, thương lượng hoặc quan hệ khác với các tổ chức đại diện người lao động khác nhau (thay vì chỉ một tổ chức công đoàn như trước đây).

Nhóm các nguyên tắc về “điều kiện lao động chấp nhận được”

Nhóm này bao gồm các cam kết về việc bảo đảm “các điều kiện lao động chấp nhận được” về lương tối thiểu, giờ làm việc, các vấn đề về an toàn lao động và sức khỏe của người lao động.

CPTPP không có định nghĩa hay tiêu chuẩn cụ thể nào về “các điều kiện lao động chấp nhận được”. Vì vậy cơ bản các cam kết này sẽ không tạo ra tác động thay đổi quá lớn trong pháp luật Việt Nam liên quan tới các điều kiện lao động. Tuy nhiên, cũng như trên, khi có CPTPP, việc thực thi suy đoán sẽ bị giám sát chặt chẽ hơn, và các chủ thể kinh doanh chế biến gỗ sẽ phải chú ý hơn tới việc tuân thủ đầy đủ pháp luật về lao động ở khía cạnh này.

(ii) Nhóm cam kết về các định hướng chính sách liên quan tới lao động

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên bảo đảm các định hướng sau trong xây dựng, thực thi pháp luật, chính sách về lao động:

- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách làm suy yếu hoặc hạ thấp những biện pháp bảo vệ trong pháp luật lao động
- Không từ chối thực thi pháp luật lao động theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư giữa các nước Thành viên



Cam kết CPTPP về môi trường và bảo vệ thực vật hoang dã?

CPTPP có một Chương riêng về môi trường với các cam kết liên quan tới chính sách pháp luật về môi trường, trong đó có 01 điều khoản liên quan trực tiếp tới ngành gỗ (điều khoản về bảo vệ động, thực vật hoang dã). Trong khi đó, ngành gỗ lại là ngành có liên quan chặt chẽ tới môi trường, đặc biệt là vấn đề khai thác gỗ và xử lý chất thải từ quá trình chế biến gỗ. Vì vậy, dự kiến các cam kết CPTPP về môi trường sẽ có tác động nhất định tới ngành này.

Sau đây là một số tóm tắt các cam kết về môi trường trong CPTPP có thể ảnh hưởng đáng kể tới ngành đồ gỗ:

Các cam kết về xu hướng chính sách liên quan tới vấn đề môi trường

CPTPP ghi nhận quyền tự chủ của các nước Thành viên trong việc áp dụng và thực thi các chính sách, pháp luật, ưu tiên về môi trường, tuy nhiên yêu cầu các nước phải bảo đảm các định hướng sau:

- Nỗ lực bảo đảm có hệ thống pháp luật và chính sách môi trường bảo vệ môi trường ở mức cao, tiếp tục tăng mức bảo vệ môi trường
- Không từ chối thực thi pháp luật môi trường theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư giữa các nước Thành viên
- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách hạ mức độ bảo vệ môi trường hoặc giảm nhẹ hiệu lực của các quy định về môi trường

Các cam kết liên quan tới việc bảo vệ tài nguyên rừng và động, thực vật hoang dã

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo đảm:

- Thực thi đầy đủ các nghĩa vụ theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã đang bị đe dọa (CITES)
- Tăng cường bảo tồn và chống lại việc khai thác và thương mại trái phép động, thực vật hoang dã
- Củng cố năng lực và thể chế để tăng cường quản lý bền vững tài nguyên rừng và bảo tồn động, thực vật hoang dã



Phần thứ hai

Cơ hội, thách thức và
khuyến nghị với ngành
chế biến xuất khẩu gỗ
Việt Nam trong bối cảnh
hội nhập CPTPP



Hiện trạng ngành sản xuất và chế biến gỗ Việt Nam?

Chế biến và xuất khẩu gỗ là một trong những ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh trong những năm gần đây. Về sản xuất, đây là ngành có chuỗi giá trị sâu, góp phần đáng kể vào giải quyết việc làm khu vực nông thôn, đặc biệt là các cộng đồng dân cư sống dựa vào trồng rừng ở các khu vực vùng sâu, vùng xa.

Về giá trị, ngành này đứng trong top đầu các ngành mũi nhọn xuất khẩu, đóng góp quan trọng vào xuất khẩu nông lâm thủy sản nói chung, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho hàng triệu người sản xuất, người lao động và các cộng đồng dân cư trồng rừng.

Về đầu tư sản xuất

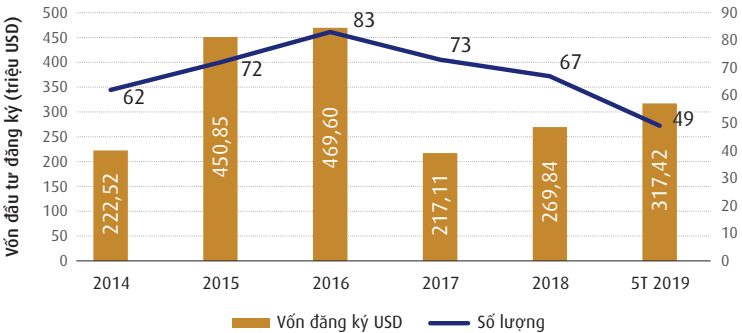
Theo Tổng cục Lâm nghiệp, đến tháng 9/2019, cả nước có 5.424 doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản (gồm 612 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 11,3%; và 4.812 doanh nghiệp trong nước, chiếm 88,7%). Đây là lực lượng chế biến xuất khẩu gỗ chủ đạo của ngành gỗ.

Bên cạnh đó, Việt Nam hiện có khoảng 300 làng nghề gỗ, chủ yếu sản xuất để cung cấp cho thị trường trong nước, đồng thời có xuất khẩu một phần ra nước ngoài (chủ yếu là các thị trường dễ tính như Trung Quốc, ASEAN...).

Đầu tư nước ngoài (FDI) vào sản xuất, chế biến gỗ có sự gia tăng mạnh vào khoảng 2015-2016, sau đó giảm nhẹ và đang tiếp tục tăng trở lại trong bối cảnh dịch chuyển sản xuất dưới tác động của căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.

Bảng

Các dự án FDI vào ngành gỗ năm 2014-2019



Nguồn: Báo cáo "Cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung - Cơ hội và rủi ro cho ngành gỗ Việt Nam" Forest Trends và các Hiệp hội Gỗ, 6/2019

Về lao động

Cả nước hiện có khoảng 500 nghìn lao động nghề gỗ. Trong đó lao động được đào tạo, có việc làm ổn định chiếm 50-60%, còn lại là lao động theo mùa vụ, được tuyển dụng khi có các đơn hàng lớn.

Mặc dù lao động ngành gỗ Việt Nam được đánh giá là có kỹ thuật cá nhân tương đối tốt (lành nghề) nhưng năng suất lao động trong ngành gỗ chưa cao (chủ yếu do kỹ năng sử dụng máy móc kỹ thuật còn hạn chế, thiếu đào tạo bài bản).

Về công nghệ

Trình độ công nghệ, máy móc thiết bị của doanh nghiệp và các cơ sở chế biến gỗ nhìn chung còn tương đối thấp, đồng thời có sự phân hóa giữa các nhóm:

- Nhóm các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp lớn thường sử dụng công nghệ hiện đại với thiết bị nhập khẩu chủ yếu từ EU, Đài Loan

- Nhóm các doanh nghiệp sản xuất ván nhân tạo (ví dụ MDF, ván thanh, ván dán) chủ yếu sử dụng công nghệ chế biến của EU
- Nhóm các doanh nghiệp chế biến đồ gỗ tiêu thụ nội địa chủ yếu sử dụng công nghệ của Đài Loan và Trung Quốc
- Nhóm các doanh nghiệp chế biến đồ gỗ mỹ nghệ chủ yếu sản xuất theo công nghệ thủ công với công cụ truyền thống như xẻ tay, đục, chạm khắc bằng tay

Về gỗ nguyên liệu

Nhờ vào các chính sách thúc đẩy trồng rừng, trong một vài năm trở lại đây, nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước đã được cải thiện đáng kể.

Năm 2018, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước đạt 238.600 ha, số lượng cây lâm nghiệp trồng phân tán là 85.800 cây, giảm nhẹ so với 2017. Tuy nhiên, sản lượng gỗ khai thác năm 2018 lại tăng khoảng 10% so với 2017, đạt 12.818 triệu m³.

Hiện tại Việt Nam đã chủ động được khoảng 70-80% gỗ nguyên liệu, còn lại nhập khẩu khoảng 30%. Đây là kết quả tích cực của nhiều nỗ lực tái cơ cấu ngành lâm nghiệp và trồng rừng. Mặc dù vậy, gỗ khai thác từ rừng trồng trong nước chủ yếu là các loại gỗ có đường kính không lớn, năng suất, chất lượng còn tương đối thấp, khó đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu.

Nguồn nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam cũng khá đa dạng:

- Châu Phi hiện đang là nguồn cung cho khoảng ¼ gỗ tròn và gỗ xẻ nhập khẩu của Việt Nam – nguồn gỗ này chủ yếu phục vụ sản xuất đồ gỗ tiêu thụ trong nước
- Lào từng là nguồn cung gỗ nhiệt đới lớn nhất của Việt Nam nhưng đã giảm mạnh sau khi Lào áp dụng chính sách cấm xuất khẩu gỗ chưa qua chế biến sâu
- Campuchia cũng là nguồn cung gỗ chủ yếu, nhưng không ổn định và có nhiều rủi ro từ góc độ pháp lý (gỗ bất hợp pháp)

- Còn lại là gỗ nhập khẩu từ nhiều nguồn khác nhau (Nga, Mỹ, EU, Chi-lê, Bra-xin....)

Năm 2018, Việt Nam nhập khẩu 2,34 tỷ USD, trong đó có tới 2,2 tỷ USD (chiếm 93,6%) là gỗ nguyên liệu (gỗ tròn, gỗ xẻ và các loại ván). Đáng chú ý là tỷ lệ nhập khẩu từ các nguồn ít rủi ro về tính bất hợp pháp (như Mỹ, Bỉ, Chi-lê...) và các loài gỗ “sạch” (như thông, sồi, bạch đàn...) đang tăng lên.

Bảng

Diễn tiến nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giai đoạn 2015-2018

Thị trường nhập khẩu	Trị giá nhập khẩu (triệu USD)			
	2015	2016	2017	2018
Châu Phi	265,197	354,66	493,690	515,600
Trung Quốc	257,577	308,963	383,104	462,330
Mỹ	231,672	215,364	247,255	310,560
EU	165,172	192,028	235,785	249,638
Campuchia	380,419	181,564	213,110	100,633
Malaysia	119,779	101,570	100,411	114,185
Thái Lan	83,445	81,755	95,611	82,430
Chi-lê	46,910	46,300	60,970	81,598
New Zealand	53,849	55,686	60,816	64,967
Lào	348,876	75,595	40,920	32,558
Hàn Quốc	9,701	12,505	11,477	10,187
Nhật Bản	6,793	8,690	9,539	10,090
Tổng giá trị NK Top 12	1.960,390	971,057	1.075,895	2.034,780

Nguồn: Báo cáo “Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ 2018 – Một năm nhìn lại và xu hướng 2019”, Forest Trends và các Hiệp hội gỗ, 2/2019



Tình hình xuất khẩu gỗ của Việt Nam?

Xuất khẩu gỗ là điểm sáng của ngành nông lâm sản Việt Nam trong nhiều năm qua.

Về kim ngạch

Trong khoảng 15 năm trở lại đây, ngành gỗ có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu rất ấn tượng. Năm 2004 xuất khẩu gỗ mới lần đầu tiên lọt vào danh sách “ngành xuất khẩu tỷ đô”, năm 2014 kim ngạch xuất khẩu gỗ đã tăng gấp 6 lần, đạt 6,2 tỷ USD, hoàn thành mục tiêu kim ngạch xuất khẩu mà Việt Nam đặt ra cho năm 2020. Năm 2018 xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt kim ngạch 8,476 tỷ USD, tăng 14,5% so với 2017, xuất siêu tới hơn 6 tỷ USD.

Bảng

Diễn tiến xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 2015-2018

Thị trường xuất khẩu	Trị giá nhập khẩu (triệu USD)			
	2015	2016	2017	2018
Mỹ	2.577,528	2.711,280	3.080,743	3.613,299
Nhật Bản	1.016,325	961,430	988,708	1.119,034
Trung Quốc	986,118	1.026,144	1.085,937	1.077,017
EU	754,328	742,461	762,498	785,267
Hàn Quốc	495,614	579,359	673,189	938,697
Australia	152,375	161,345	154,226	174,053
Canada	148,519	130,569	152,613	155,894
Hồng Kông (Trung Quốc)	114,679	33,142	16,872	6,988
Ấn Độ	98,813	49,453	60,226	46,166
Đài Loan	70,413	64,311	58,321	60,602
Malaysia	47,981	44,530	54,010	100,907
Các thị trường khác	324,255	295,039	316,771	398,466
Tổng kim ngạch XK	6.786,948	6.799,063	7.404,114	8.476,390

VỀ CƠ CẤU SẢN PHẨM

Trong cơ cấu xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ, chiếm tỷ trọng lớn (70-75%) vẫn là sản phẩm gỗ, gỗ nguyên liệu chỉ chiếm 25-30%. Mặc dù vậy, trong một vài năm trở lại đây, tỷ lệ xuất khẩu gỗ nguyên liệu đang gia tăng.

Ví dụ, năm 2018 kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ chiếm 70,75% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, giảm so với tỷ lệ 74,52% của năm 2017; 03 nhóm sản phẩm có tăng trưởng lớn nhất năm 2018 là viên nén, dăm gỗ và gỗ dán/gỗ ghép.

VỀ THỊ TRƯỜNG

Mặc dù gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam đang xuất khẩu đi khoảng 120-130 thị trường trên thế giới, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc luôn là các thị trường xuất khẩu chính, chiếm khoảng 90% tổng xuất khẩu Việt Nam.

Bảng

Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam năm 2018

Thị trường	Kim ngạch (tỷ USD)	Tăng trưởng so với 2017	Tỷ trọng
Mỹ	3,6	17%	43%
Nhật Bản	1,1	13%	13%
Trung Quốc	1,0	-1%	12%
Hàn Quốc	0,94	39%	11%
EU	0,79	3%	9%

Nguồn: Báo cáo "Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ 2018 - Một năm nhìn lại và xu hướng 2019", Forest Trends và các Hiệp hội gỗ, 2/2019



Tình hình xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và các nước CPTPP?

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đi các nước CPTPP

Việt Nam hiện đang xuất siêu gỗ và các sản phẩm gỗ sang các nước CPTPP, với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt khoảng 1,75 tỷ USD, chiếm khoảng 20% tổng xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới và đạt thặng dư 1,5 tỷ USD.

Trong nhóm CPTPP, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ có kim ngạch lớn nhất của Việt Nam, tiếp đến là Canada, Australia và Malaysia.

Bảng Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam sang các nước CPTPP năm 2018

STT	Tên nước	Giá trị xuất khẩu (nghìn USD)	Tỷ trọng trong tổng XK	Các sản phẩm xuất khẩu chính
1	Nhật Bản	1.179.285	13,44%	Gỗ nhiên liệu, vỏ bào, mùn cưa,...; Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Gỗ dán; Đồ mộc dùng trong xây dựng; Bộ đồ ăn và làm bếp bằng gỗ
2	Canada	200.037	2,28%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Đồ mộc dùng trong xây dựng; Gỗ dán; Gỗ khảm và đất, gỗ trang trí,...
3	Australia	155.905	1,78%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Đồ mộc dùng trong xây dựng; Gỗ đã tạo dáng; Bộ đồ ăn và làm bếp bằng gỗ
4	Malaysia	141.214	1,61%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Gỗ dán; Tấm gỗ để làm lớp mặt cho gỗ dán hoặc gỗ ghép; Gỗ đã tạo dáng
5	Mexico	28.997	0,33%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Gỗ đã tạo dáng; Ván sợi bằng gỗ
6	New Zealand	25.191	0,29%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Đồ mộc dùng trong xây dựng; Gỗ dán
7	Singapore	18.621	0,21%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Gỗ dán; Bộ đồ ăn và làm bếp bằng gỗ
8	Chi-lê	4.962	0,06%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Ván sợi bằng gỗ
9	Peru	714	0,008%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...
10	Brunei	469	0,005%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Gỗ dán
Tổng CPTPP		1.755.395	20,01%	

Nguồn: Trademap ITC, truy cập tháng 10/2019

Nhập khẩu

Việt Nam nhập khẩu số lượng gỗ và các sản phẩm gỗ từ các nước CPTPP trị giá khoảng 254 triệu USD năm 2018, chiếm 16% tổng giá trị nhập khẩu.

Các thị trường CPTPP Việt Nam nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ nhiều nhất lần lượt là Chi-lê, Malaysia, New Zealand và Canada.

Bảng Nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam từ các nước CPTPP năm 2018

STT	Tên nước	Giá trị nhập khẩu (nghìn USD)	Tỷ trọng trong tổng NK	Các sản phẩm nhập khẩu chính
1	Chi-lê	79.380	5%	Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc dày trên 6mm; Gỗ cây dạng thò;
2	Malaysia	79.109	4,98%	Ván sợi bằng gỗ; Ván dăm; Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc dày trên 6mm; Đồ mộc dùng trong xây dựng; Gỗ cây dạng thò
3	New Zealand	55.720	3,51%	Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc dày trên 6mm; Ván sợi bằng gỗ; Gỗ cây dạng thò
4	Canada	24.664	1,55%	Ván dăm; Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc dày trên 6mm; Gỗ cây dạng thò
5	Nhật Bản	6.838	0,43%	Gỗ cây dạng thò; Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc dày trên 6mm; Ván sợi bằng gỗ
6	Australia	4.448	0,28%	Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc dày trên 6mm; Gỗ cây dạng thò; Ván sợi bằng gỗ
7	Singapore	1.937	0,12%	Đồ nội thất bằng gỗ cho phòng ngủ, văn phòng, bếp,...; Gỗ dán; Gỗ khảm và dát, gỗ trang trí,...
8	Peru	1.660	0,1%	Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc dày trên 6mm; Gỗ đã tạo dáng; Đồ mộc dùng trong xây dựng;
9	Mexico	383	0,024%	Gỗ cây dạng thò; Gỗ dán
10	Brunei	0	0,00%	
Tổng CPTPP		254.139	16%	

Nguồn: Trademap ITC, truy cập tháng 10/2019



Triển vọng thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam?

Ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam được đánh giá là có nhiều tiềm năng xuất khẩu dưới tác động của nhiều nhân tố tích cực:

- *Cơ hội thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA)*

Việt Nam đã và đang tham gia 16 FTA, tạo cơ hội cắt giảm và loại bỏ thuế quan cho gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam ở hơn 50 đối tác thương mại lớn, trong đó bao gồm tất cả các thị trường xuất khẩu trọng điểm của gỗ, sản phẩm gỗ Việt Nam.

- *Cơ hội từ việc thực thi Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT với EU*

Trong VPA/FLEGT, Việt Nam có cam kết về việc bảo đảm gỗ hợp pháp trong mọi chuỗi cung sản xuất, tiêu thụ gỗ và các sản phẩm gỗ (không phân biệt gỗ tiêu thụ trong nước hay xuất khẩu, không phân biệt thị trường xuất khẩu). Trong khi đó, gỗ hợp pháp lại là yêu cầu quan trọng của phần lớn các thị trường xuất khẩu của Việt Nam hiện tại. Do đó, bằng việc thực hiện VPA/FLEGT, gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam cũng sẽ có thể đáp ứng yêu cầu của các thị trường này.

- *Cơ hội từ các Chương trình, chính sách hỗ trợ của Chính phủ*

Việt Nam đã và đang triển khai nhiều chương trình tái cơ cấu ngành lâm nghiệp; phát triển nguồn nguyên liệu rừng trồng trong nước; phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa người trồng rừng và doanh nghiệp chế biến; rà soát lại cơ chế quản lý và pháp luật liên quan tới các nguồn gỗ; ưu tiên sử dụng gỗ hợp pháp rừng trồng trong nước trong mua sắm công; hỗ trợ vốn, tạo điều kiện tiếp cận quỹ đất, mặt bằng đầu tư nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến gỗ; ưu tiên nguồn lực cho các hoạt động xúc tiến thương mại... Nếu được thực hiện hiệu quả, đây sẽ là các động lực lớn để ngành chế biến xuất khẩu gỗ phát triển.

- *Một số cơ hội thị trường từ khoảng trống để lại do căng thẳng thương mại*

Mỹ là thị trường tiêu thụ đồ gỗ lớn nhất, chiếm tới trên 40% thị phần xuất khẩu của gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam. Ở thị trường này, Trung Quốc luôn là đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam. Thời gian qua, gỗ và các sản phẩm gỗ là đối tượng của các biện pháp thuế bổ sung mà Mỹ áp đặt với Trung Quốc do căng thẳng thương mại giữa hai Bên, do đó sản phẩm xuất khẩu từ các nước khác, trong đó có Việt Nam, có thể có thêm lợi thế ở thị trường này.



Cơ hội đối với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam từ CPTPP

Với việc CPTPP có hiệu lực, ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam đang có những cơ hội quan trọng để phát triển, gia tăng xuất khẩu sang các thị trường CPTPP, đặc biệt là:

Cơ hội tiếp cận các thị trường xuất khẩu CPTPP

Các cam kết cắt giảm thuế quan mạnh của các đối tác CPTPP đối với gỗ và các sản phẩm gỗ sẽ giúp nhóm hàng hóa này có thêm nhiều cơ hội tiếp cận các thị trường này. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh (i) một số nước CPTPP (ví dụ Nhật Bản, Canada) nằm trong топ thị trường xuất khẩu lớn nhất của đồ gỗ Việt Nam đồng thời lại có mức cam kết xóa bỏ thuế quan mạnh cho gỗ và các sản phẩm gỗ trong CPTPP so với các FTA đã có trước đây (ví dụ Nhật Bản) hoặc so với thuế MFN đang duy trì (Canada) và (ii) gỗ và các sản phẩm gỗ từ Việt Nam mới chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong kim ngạch nhập khẩu các hàng hóa này của các nước CPTPP.

Bảng

Thị phần gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong nhập khẩu của các nước CPTPP

Đối tác	Mã HS	Giá trị NK từ Việt Nam (nghìn USD)	Giá trị NK từ thế giới (nghìn USD)	Thị phần nhập khẩu
Australia	Chương 44 - Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ	17.737	1.939.414	0,91%
	940330-60 - Đồ gỗ nội thất văn phòng, nhà bếp, phòng ngủ, khác	138.168	935.179	14,77%
Brunei	Sản phẩm Chương 44	157	13.222	1,19%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	312	9.453	3,30%
Canada	Sản phẩm Chương 44	11.092	3.082.809	0,36%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	188.945	1.292.920	14,61%
Chile	Sản phẩm Chương 44	471	321.742	0,15%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	4.491	153.822	2,92%
Japan	Sản phẩm Chương 44	795.602	11.165.184	7,13%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	383.683	1.521.602	25,22%
Mexico	Sản phẩm Chương 44	10.516	1.726.968	0,61%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	18.481	203.624	9,08%
Malaysia	Sản phẩm Chương 44	110.544	851.312	12,99%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	30.670	231.291	13,26%
New Zealand	Sản phẩm Chương 44	1.424	281.528	0,51%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	23.767	144.447	16,45%
Peru	Sản phẩm Chương 44	19	279.951	0,01%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	695	66.415	1,05%
Singapore	Sản phẩm Chương 44	15.285	421.934	3,62%
	Sản phẩm mã HS 940330-60	3.336	211.691	1,58%

Nguồn: Trademap, truy cập tháng 10/2019

Cơ hội nhập khẩu gỗ nguyên liệu, trang thiết bị ngành gỗ

Với việc Việt Nam cam kết xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực toàn bộ các dòng thuế gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44 và 94 từ các nước CPTPP, doanh nghiệp ngành gỗ sẽ có cơ hội nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ (đặc biệt là gỗ nguyên liệu) từ các nguồn cung gỗ CPTPP, trong đó nhiều khu vực là nguồn cung gỗ hợp pháp. Đây là lợi thế rất đáng kể trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai thực thi cơ chế quản lý chuỗi cung gỗ hợp pháp đối với toàn bộ gỗ và các sản phẩm gỗ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

Ngoài ra, trong CPTPP Việt Nam cũng có các cam kết loại bỏ thuế quan đối với phần lớn các máy móc thiết bị, trong đó có máy móc thiết bị ngành gỗ. Đây là cơ hội để ngành gỗ nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại với giá hợp lý từ các nguồn CPTPP.

Cơ hội từ môi trường kinh doanh được cải thiện

CPTPP cùng với các cam kết về quy tắc, thể chế, đặc biệt là trong các thủ tục xuất nhập khẩu và môi trường kinh doanh sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam nói chung, qua đó giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, những cải cách về thể chế dưới sức ép, đòi hỏi từ CPTPP cũng tạo điều kiện thu hút thêm đầu tư trong nước và nước ngoài vào hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có lĩnh vực chế biến xuất khẩu gỗ.

Cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động ở nông thôn, trong đó có lao động nữ

Ngành sản xuất chế biến gỗ là một ngành sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là trong các làng nghề ở khu vực nông thôn, với tỷ lệ đáng kể lao động nữ (đặc biệt trong các công đoạn hoàn thiện sản phẩm (mài, sơn phủ, vẽ trang trí...). Do đó, việc tăng cường cơ hội xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam sang các nước CPTPP cũng là tăng cường cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động trong khu vực này, trong đó có các lao động nữ.

Cơ hội cắt giảm chi phí sản xuất, cải thiện năng lực cạnh tranh

Trong CPTPP, Việt Nam đưa ra khá nhiều các cam kết trong các lĩnh vực dịch vụ, thể chế có thể giúp các doanh nghiệp sản xuất, trong đó có ngành chế biến xuất khẩu đồ gỗ, tiết kiệm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, ví dụ:

- Các cam kết mở cửa các thị trường dịch vụ phục vụ sản xuất như tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán), viễn thông, logistics... ở mức cao hơn WTO sẽ giúp cạnh tranh trong các lĩnh vực này tốt hơn, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp sản xuất tiếp cận các dịch vụ này với chất lượng tốt hơn, chi phí hợp lý hơn, từ đó giảm chi phí dịch vụ trong giá thành sản phẩm
- Các cam kết thúc đẩy môi trường cạnh tranh, các phương thức thương mại hiện đại, hỗ trợ doanh nghiệp (cạnh tranh, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa...) là điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cải thiện năng lực cạnh tranh, tiếp cận tốt hơn với khách hàng



Thách thức đối với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam từ CPTPP?

Về lý thuyết, việc Việt Nam mở hoàn toàn thị trường gỗ và các sản phẩm gỗ của mình cho các nước CPTPP có thể tạo ra thách thức cạnh tranh ở thị trường Việt Nam bởi (i) thuế MFN của Việt Nam hiện đang khá cao; và (ii) trong số các nước CPTPP có những đối thủ mạnh trên thế giới về xuất khẩu sản phẩm gỗ như Canada (thuộc top 5 nước xuất khẩu sản phẩm gỗ văn phòng, gỗ nhà bếp của thế giới) hay Malaysia.

Tuy nhiên, trên thực tế, thách thức cạnh tranh có thể không quá lớn do các doanh nghiệp gỗ Việt Nam phần lớn cung ứng sản phẩm gỗ cho phân khúc trung bình hoặc phân khúc sản phẩm gỗ cao cấp có tính dân tộc đặc thù (gỗ mỹ nghệ, gỗ nội thất kiểu dáng truyền thống...). Phân khúc sản phẩm gỗ cao cấp hiện đang là cuộc cạnh tranh giữa các nguồn nhập khẩu (đặc biệt là từ Đài Loan, Malaysia...) là chủ yếu. Do đó, việc mở cửa cho các sản phẩm gỗ trong CPTPP, mà phần lớn là phân khúc cao cấp, được dự báo chủ yếu sẽ làm thay đổi thị phần giữa các nguồn cung gỗ cao cấp nhập khẩu, rất ít cạnh tranh trực diện với các nhà sản xuất gỗ Việt Nam.

Vì vậy, trên bình diện chung, thách thức chủ yếu với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam trong thời gian tới vẫn nằm ở các bất cập cố hữu và một số yếu tố mới ngoài CPTPP sau đây:

- *Thách thức từ các vấn đề trong năng lực cạnh tranh*

Công nghệ sản xuất còn lạc hậu, lao động chưa có được đào tạo bài bản phù hợp với công nghệ, nguồn nguyên liệu không đồng nhất (về chủng loại, kích cỡ) khiến cho quy trình xử lý trong sản xuất (lao động, máy móc) bị hạn chế, trình độ quản lý trong sản xuất gỗ còn thấp, tình trạng lãng phí nguyên liệu còn phổ biến, năng lực thiết kế sản phẩm, thương hiệu... là những vấn đề lớn của ngành chế biến xuất khẩu gỗ

- *Thách thức từ các hệ lụy của căng thẳng thương mại*

Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung làm gia tăng nguy cơ gian lận thương mại từ Trung Quốc qua Việt Nam, có thể khiến ngành gỗ Việt Nam phải đối mặt với khả năng bị trừng phạt; đồng thời sự chuyển hướng đầu tư từ Trung Quốc vào Việt Nam cũng tiềm ẩn nguy cơ đầu tư trá hình, công nghệ lạc hậu

- *Thách thức tuân thủ*

Thực hiện nghiêm túc cam kết về gỗ hợp pháp theo VPA/FLEGT có thể khiến chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng trong giai đoạn đầu, làm ảnh hưởng tới sức cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt ở các thị trường mà hiện chưa thực thi yêu cầu gỗ hợp pháp



Khuyến nghị với ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam?

Giải pháp tận dụng CPTPP

CPTPP mang đến nhiều cam kết thuế quan có lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam. Do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ càng các nội dung liên quan của CPTPP để có thể tận dụng được tối đa các lợi ích của Hiệp định:

- *Tìm hiểu cam kết thuế quan* của từng nước thành viên CPTPP trong Phụ lục 2-D thuộc Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa của Hiệp định.

Cần lưu ý là các cam kết trong CPTPP là cam kết tối thiểu của các nước thành viên. Trên thực tế, các nước có thể cắt giảm thuế quan cao hơn cam kết tùy nhu cầu. Do đó, để biết chính xác nhất mức thuế quan của một nước thành viên CPTPP áp dụng đối với từng mặt hàng gỗ Việt Nam thì doanh nghiệp cần kiểm tra biểu thuế quan ưu đãi theo CPTPP của nước đó áp dụng cho từng năm cụ thể. Ngoài ra, giữa Việt Nam với nhiều nước Thành viên CPTPP còn có nhiều FTA khác đã có hiệu lực. Do đó, CPTPP không phải con đường ưu đãi thuế quan duy nhất, và doanh nghiệp cần chú ý lựa chọn FTA nào có mức thuế quan và quy tắc xuất xứ phù hợp và có lợi nhất cho doanh nghiệp.

- *Tìm hiểu các quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ* để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP trong Chương 3 – Quy tắc xuất xứ và các thủ tục chứng nhận xuất xứ của Hiệp định và Phụ lục Chương này
- *Tìm hiểu các vấn đề liên quan khác* như Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại (Chương 5), Phòng vệ thương mại (Chương 6), Các biện pháp SPS (Chương 7), TBT (Chương 8)

Giải pháp chung để tiếp cận thị trường xuất khẩu

Để tiếp cận các thị trường xuất khẩu một cách bền vững và hiệu quả, ngoài việc tiếp cận khách hàng, doanh nghiệp cần chú ý các vấn đề sau:

- Tìm hiểu các yêu cầu về SPS, TBT của từng thị trường và có hành động thích hợp để điều chỉnh quy trình sản xuất, xuất khẩu tuân thủ các yêu cầu này
- Tìm hiểu chi tiết và cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật nội địa của thị trường nhập khẩu và bảo đảm tuân thủ đầy đủ
- Nghiên cứu thị trường, đặc biệt là các thị trường ngách, tìm hiểu kỹ thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng
- Tìm hiểu các cơ chế, cách thức tiếp cận các kênh/nhà phân phối sản phẩm gỗ ở từng thị trường
- Nghiên cứu, cải thiện chất lượng, mẫu mã sản phẩm để phù hợp với thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu cho sản phẩm gỗ Việt Nam
- Bảo đảm thực thi nghiêm túc các yêu cầu về gỗ hợp pháp
- Đấu tranh chống lại các hiện tượng gian lận thương mại (đặc biệt là gian lận xuất xứ, giả mạo gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam khi xuất khẩu vào các thị trường)

Giải pháp chung về năng lực cạnh tranh

Tăng cường năng lực cạnh tranh là giải pháp bền vững để ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam có thể phát triển bền vững. Để làm được việc này, ngành gỗ cần đặc biệt chú ý một số giải pháp sau:

- Tiếp cận và đổi mới công nghệ sản xuất
- Có kế hoạch đào tạo lao động bài bản, thích nghi với máy móc, công nghệ mới
- Cải thiện quy trình sản xuất, quản lý chuỗi sản xuất phù hợp với công nghệ sử dụng, kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu, hạn chế tình trạng lãng phí nguyên liệu
- Nâng cao năng lực thiết kế sản phẩm, thương hiệu...

SỔ TAY DOANH NGHIỆP

HIỆP ĐỊNH

**ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)
VÀ NGÀNH CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU GỖ VIỆT NAM**

**Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
Nguyễn Minh Huệ**

**Chịu trách nhiệm nội dung
TS. Nguyễn Thị Thu Trang**

**Biên tập: Đồng Thị Thu Thủy
Chế bản: Nguyễn Thái Dũng
Trình bày bìa: Thaidung85@gmail.com**

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934 1562 Fax: 024-3938 7164

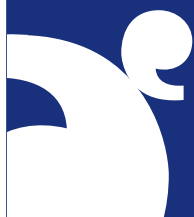
Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com>

E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 12x22 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 14 ngõ 464 Đ.Áu Cơ, P.Nhật Tân, Q.Tây Hồ, Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4749-2019/CXBIPH/09-199/CT
Số Quyết định xuất bản: 320A/QĐ - NXBCT ngày 22 tháng 11 năm 2019
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2019
Mã số ISBN: 978-604-9885-14-3

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458; Fax: +84 24 35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn



TUYỂN TẬP SỔ TAY DOANH NGHIỆP VỀ CPTPP

1. CPTPP & Ngành Logistics Việt Nam
2. CPTPP & Ngành Phân phối – Thương mại Điện tử Việt Nam
3. CPTPP & Ngành Viễn thông Việt Nam
4. CPTPP & Ngành Rau quả Việt Nam
5. CPTPP & Ngành Chăn nuôi và chế biến thịt Việt Nam
6. CPTPP & Ngành Thủy sản Việt Nam
7. CPTPP & Ngành Dệt may Việt Nam
8. CPTPP & Ngành Da giày Việt Nam
9. CPTPP & Ngành Chế biến xuất khẩu Gỗ Việt Nam
10. CPTPP & Ngành Đồ uống Việt Nam

ISBN: 978-604-988-514-3



9 786049 885143